



## (VẢI SỢI) BẢO VỆ NHIỆT BỨC XẠ LÊN ĐẾN 1000°C

TEMPEX - Heat Protective Clothing protects primarily against radiant heat and splashes of molten metal. All fabrics offered can be used against radiant heat up to **up to 1000°C**. New fabrics can reflect about 95% of radiant heat.

In order to ensure optimum protection (for example against splashes of molten metal) the risks must be analysed very carefully.

Technical help  
to choose  
Tư vấn lựa chọn

Tiêu chuẩn  
Standard **EN 531**

Ghi chú : Note

**A:** Chống cháy hạn chế : Limited flames

**B5>B4>B3>B2>B1 :**  
Nhiệt đối lưu : Convectiver heat

**C4>C3>C2>C1 :**  
Nhiệt bức xạ : Radiant heat

**D3>D2>D1 :**  
Tia nhôm nóng chảy : Aluminium splash

**E3>E2>E1 :**  
Tia sắt nóng chảy : Iron splash

**EN 531**

Contact Heat Tested as per ISO 12127 at 250°C Temp.	Convective Heat - Code B Tested as per ISO 9151 Code B1 - 3 sec to 6 sec Code B2 - 7 sec to 12 sec Code B3 - 13 sec to 20 sec Code B4 - 21 sec to 30 sec Code B5 > 31 sec	Heat Radiation - Code C Tested as per ISO 6942 Heat Flux Density = 20kW/m <sup>2</sup> Code C1 - 8 sec to 30 sec Code C2 - 31 sec to 90 sec Code C3 - 91 sec to 150 sec Code C4 > 151 sec	Molten Aluminium Splash - Code D Tested as per ISO 9185 Code D1 - 100g to 200g Code D2 - 201g to 350g Code D3 > 351g	Molten Iron Splash - Code E Tested as per ISO 9185 Code E1 - 60g to 120g Code E2 - 121g to 200g Code E3 > 201g
---	---	---	--	--

### DÒNG SẢN PHẨM CỦA TEMPEX: ( Vải sợi )

#### For light - duty application

- ✦ **CK-10/Z** Sợi Preox/ Para. Nặng 320 g/m<sup>2</sup>  
Đặc tính: nhẹ, bảo vệ rất tốt chống lại sắt, nhôm nóng chảy  
**Tiêu chuẩn Châu Âu EN 531. Mức độ bảo vệ A, B1, C2, D2, E2**
- ✦ **RF-1/Y** Sợi Rayon, Herringbone. Nặng 600g/m<sup>2</sup>, bọc Polyester cả 2 bên  
Đặc tính: Không dùng cho việc bảo vệ chống lại kim loại nóng chảy  
**Tiêu chuẩn Châu Âu EN 531. Mức độ bảo vệ: A, B1, C3**

#### For medium - duty application

- ✦ **KF-3/Z** Sợi Para-Aramide. Herringbone. Nặng 500g/m<sup>2</sup>  
Đặc tính: Bảo vệ hoàn toàn chống lại kim loại nóng chảy  
**Tiêu chuẩn Châu Âu EN 531. Mức độ bảo vệ: A, B2, C3, D3, E3**
- ✦ **CK-11/Z** Sợi Para-Aramide. Herringbone. Nặng 660g/m<sup>2</sup>  
Đặc tính: Rất tốt trong việc bảo vệ chống lại kim loại nóng chảy  
**Tiêu chuẩn Châu Âu EN 531. Mức độ bảo vệ: A, B2, C3, E3, D3**

### TEMPEX OFFERS A WIDE RANGE OF FABRICS:

#### For heavy - duty application

- ✦ **CK-1/Z** Sợi Para-Aramide/Preox. Herringbone. Nặng 660g/m<sup>2</sup>. Bọc Polyester 2 bên  
Đặc tính: Sử dụng các vật liệu hàng đầu. Bảo vệ cực tốt chống lại kim loại nóng chảy  
**Tiêu chuẩn Châu Âu EN 531. Mức độ bảo vệ: A, B1, C3, D3, E3**
- ✦ **KF-4/Z** Sợi Para-Aramide. Nặng 650g/m<sup>2</sup>  
Đặc tính: Hơi cứng, dùng cho bao chân và cho mặt  
**Tiêu chuẩn Châu Âu EN 531**
- ✦ **VWP-1/Z (mới)** "Marian AL 600" Viscose/ Wool/Polyamide, 3 lớp vải sợi. Nặng 600g/m<sup>2</sup>.  
Đặc tính: Cực mềm, rất thoải mái. Bảo vệ rất tốt,  
**Tiêu chuẩn Châu Âu EN 531. Mức độ bảo vệ: A, B2, C2, D3, E3**

# Hướng dẫn về mối quan hệ giữa loại nguy hiểm và loại quần áo

## Các tiêu chuẩn đề nghị và mức độ hoàn chỉnh tối thiểu

**TEMPEX<sup>®</sup> AUSTRIA**  
Protective Clothing

AUSTRIA

LOẠI NGUY HIỂM	VÍ DỤ VỀ NGUY HIỂM	TIÊU CHUẨN ISO	TIÊU CHUẨN CHÂU ÂU
<b>Nhóm A - Mức độ rủi ro thấp:</b> Tiếp xúc một phần với nhiệt hoặc lửa nhỏ	Công việc ở lân cận vùng lửa nhỏ		EN 533
Lửa lớn hơn + Nhiệt đối lưu	Tiếp cận với cháy nhỏ	ISO 11612 - mức B1	EN 531 - mức B1
Nhiệt bức xạ	Tiếp cận lò đốt	ISO 11612 - mức C1	EN 531 - mức C1
Giọt kim loại nóng chảy nhỏ	Hàn và cắt	ISO 11611	EN 470-1
Phun bắn kim loại nóng chảy	Công việc đúc - Nhôm - Sắt	ISO 11612 - mức D1 - mức E1	EN 531 - mức D1 - mức E1
<b>Nhóm B - Mức độ rủi ro cao:</b> Tiếp xúc nhiệt mạnh hoặc Chìm trong lửa	Những người lái xe đua	ISO 14460 (1)	EN ISO 14460 (1)
Chỉ có nhiệt bức xạ	Tiếp cận gần lửa và lò đốt	ISO 11612	EN 531
Nhiệt bức xạ + thỉnh thoảng xem lửa	Bên trong lò nung	ISO 11612 - mức B2+ C2	EN 531 - mức B2 + C2
Bức xạ nhiệt + các túi lửa	Bên trong lò nung	ISO 11612 - mức B23+ C3	EN 531 - mức B3 + C3
Bức xạ nhiệt + hoàn toàn chìm trong lửa	Vào đám cháy	EN 531 mức B4+C4	EN 531 mức B4+C4
<b>Nhóm C - Mức độ rủi ro cao:</b> Chứa cháy Chứa cháy lâu trong điều kiện mở	Chứa cháy ở chỗ trống	ISO 15384	EN ISO 15384
Chỉ có nhiệt bức xạ	Tiếp cận vùng cháy	ISO 11613 - ISO 15638	EN 469 - EN 1486 : kiểu 1
Bức xạ nhiệt + túi lửa	Công việc cứu nạn và tiếp cận chữa cháy trong các tòa nhà	ISO 11613 - ISO 15637	EN 469 - EN 1486 : kiểu 2
Bức xạ nhiệt + hoàn toàn chìm trong lửa	Vào đám cháy	ISO 15638	EN 1486 : kiểu 3

**Ghi chú:**

A: Chống cháy hạn chế

B5>B4>B3>B2>B1: Nhiệt đối lưu

C4>C3>C2>C1: Nhiệt bức xạ

D3>D2>D1: Tia nhôm nóng chảy

E3>E2>E1: Tia sắt nóng chảy